

Họ tên :

Số báo danh :

Mã đề 121

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137. (Các thể tích khí đều đo ở điều kiện tiêu chuẩn)

Câu 41: Ở điều kiện thường chất nào sau đây là thể khí?

- A. Alanin. B. Anilin. C. Metylamin. D. Glyxin.

Câu 42: Từ glyxin (Gly) và alanin (Ala) có thể tạo ra mấy chất dipeptit ?

- A. 4 chất. B. 2 chất. C. 3 chất. D. 5 chất.

Câu 43: Chất nào sau đây là muối trung hòa?

- A. Na_2CO_3 . B. KHSO_3 . C. NaH_2PO_4 . D. NaHCO_3 .

Câu 44: Một dây phơi quần áo gồm một đoạn dây đồng nối với một đoạn dây thép. Hiện tượng nào sau đây xảy ra ở chỗ nối hai đoạn dây khi để lâu ngày?

- A. Sắt và đồng đều bị ăn mòn. B. Đồng bị ăn mòn.
C. Sắt bị ăn mòn. D. Sắt và đồng đều không bị ăn mòn.

Câu 45: Chất nào sau đây có màu da cam ?

- A. Cr_2O_3 . B. $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_4$. C. $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$. D. CrO_3 .

Câu 46: Từ các nông sản chứa nhiều tinh bột như gạo, ngô, khoai, sắn,... bằng phương pháp lên men người ta thu được ancol ettylic. Công thức hóa học của ancol ettylic là

- A. $\text{C}_2\text{H}_3\text{OH}$. B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. C. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$. D. $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$.

Câu 47: Nước cứng là nước có chứa nhiều ion

- A. Na^+ , K^+ . B. Ca^{2+} , Mg^{2+} . C. Na^+ , H^+ . D. K^+ , Ba^{2+} .

Câu 48: Tên gọi của chất có công thức $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ là

- A. metyl fomat. B. etyl fomat. C. metyl axetat. D. etyl axetat.

Câu 49: Polietilen được trùng hợp từ chất nào sau đây?

- A. buta-1,3-đien. B. vinyl clorua. C. etilen. D. etan.

Câu 50: Dây gồm các polime bán tổng hợp là

- A. tơ visco và tơ xenlulozơ axetat. B. tơ polietilen và tơ capron.
C. tơ xenlulozơ axetat và tơ nitron D. tơ nilon-6,6 và tơ visco.

Câu 51: Phát biểu nào sau đây đúng

- A. Ala-Gly có phản ứng màu biure. B. Anilin tác dụng với nước brom tạo kết tủa.
C. Tetrapeptit mạch hở có 4 liên kết peptit. D. Etyl amin có công thức CH_3NHCH_3 .

Câu 52: Chất khí nào sau đây là nguyên nhân chính gây ngộ độc khí khi sử dụng lò sưởi trong nhà kín vào mùa đông?

- A. CO. B. SO_2 . C. NO_2 . D. CO_2 .

Câu 53: Dung dịch chất nào sau đây hòa tan được Al_2O_3 ?

- A. NaOH. B. NH_3 . C. $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$. D. KCl.

Câu 54: Kim loại nào sau đây được điều chế bằng phương pháp điện phân nóng chảy?

- A. Na. B. Cu. C. Zn. D. Fe.

Câu 55: Kim loại nào sau đây có tính khử mạnh nhất?

- A. Na. B. Mg. C. Mg. D. K.

Câu 56: Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân?

- A. Xenlulozơ. B. Glucozơ. C. Tinh bột. D. Saccarozơ.

Câu 57: Cho dãy các chất: glucozơ, xenlulozơ, saccarozơ, tinh bột, fructozơ. Số chất trong dãy tham gia phản ứng tráng gương là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.

Câu 58: Để đề phòng lây lan của SARS-CoV-2 gây bệnh viêm phổi cấp, các tổ chức y tế hướng dẫn người dân phải đeo khẩu trang nơi đông người, rửa tay nhiều lần bằng xà phòng hoặc các dung dịch sát khuẩn có pha thành phần chất X. Chất X có thể điều chế từ phản ứng lên men chất Y, từ chất Y bằng phản ứng hiđro hóa có thể tạo ra chất Z. Các chất X, Z lần lượt là

- A. Glucozơ và Sobitol. B. Etanol và Glucozơ.
C. Etanol và Sobitol. D. Metanol và Glucozơ.

Câu 59: Điện phân (điện cực trơ) dung dịch muối sunfat của một kim loại hoá trị II với dòng điện cường độ 3A. Sau 1930 giây điện phân thấy khối lượng catot tăng 1,92 gam. Kim loại đó là

- A. Cu. B. Ca. C. Mg. D. Zn.

Câu 60: Trong số các chất: Na_2SO_4 , Al, Al_2O_3 , AlCl_3 , $\text{Al}(\text{OH})_3$, có bao nhiêu chất tác dụng được với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$?

- A. 5. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây đúng

- A. Thạch cao sống dùng để nặng tượng, bó bột khi gãy xương.
B. Kim loại Na tác dụng với dung dịch AlCl_3 thu được kim loại Al.
C. Điện phân MgCl_2 nóng chảy, thu được khí Cl_2 ở catot.
D. Hỗn hợp gồm Na_2O và Al_2O_3 (tỉ lệ mol 1:1) tan được hoàn toàn trong nước dư.

Câu 62: Cho 7,5 gam axit aminooaxetic ($\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$) phản ứng hết với dung dịch HCl. Sau phản ứng, thu được m gam muối. Giá trị của m là

- A. 14,8. B. 11,05. C. 11,15. D. 22,3.

Câu 63: Cho dung dịch NaOH vào dung dịch $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$ thì

- A. không có hiện tượng gì. B. xuất hiện kết tủa trắng và bọt khí.
C. sủi bọt khí không màu. D. xuất hiện kết tủa trắng.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. PVC được điều chế bằng phản ứng trùng hợp. B. Amilozơ có cấu trúc mạch phân nhánh.
C. Tơ tằm thuộc loại tơ nhân tạo. D. Dimetylamin có công thức $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{NH}_2$.

Câu 65: Nhúng một thanh Al có khối lượng m gam vào dung dịch có chứa 2 muối FeCl_2 , FeCl_3 . Sau khi phản ứng hoàn toàn, thu dung dịch X, lấy thanh kim loại sau phản ứng cho tác dụng với dung dịch NaOH có khí thoát ra. X chứa các cation nào sau đây?

- A. Al^{3+} . B. Al^{3+} , Fe^{2+} . C. Fe^{3+} , Al^{3+} . D. Fe^{3+} , Al^{3+} , Fe^{2+} .

Câu 66: Hợp chất Y có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$. Cho Y tác dụng với dung dịch KOH sinh ra chất Z có công thức $\text{C}_2\text{H}_3\text{O}_2\text{K}$. Công thức cấu tạo của Y là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$. B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. C. HCOOC_2H_5 . D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$.

Câu 67: Valin là một loại amino axit thiết yếu, cần được cung cấp từ nguồn thực phẩm bên ngoài, cơ thể không tự tổng hợp được. Khi cho 1,755 gam valin hòa tan trong nước thu được dung dịch X. Dung dịch X phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị V là

- A. 15 ml. B. 0,15 lít. C. 15 lít. D. 150 ml.

Câu 68: Cho các phát biểu sau

- (a) Chất béo nhẹ hơn nước, không tan trong nước.
(b) Nhỏ dung dịch Gly-Val vào ống nghiệm chứa $\text{Cu}(\text{OH})_2$ xuất hiện hợp chất màu tím.
(c) Để rửa ống nghiệm có dính anilin, ta tráng ống nghiệm bằng dung dịch HCl.
(d) Oxi hóa glucozơ thu được sobitol.
(e) Các chất béo bị thủy phân trong môi trường kiềm đều tạo muối và ancol.

Số phát biểu đúng là A. 2. B. 3. C. 5. D. 4.

Câu 69: Khi thủy phân hoàn toàn một este đơn chức bằng dung dịch NaOH thu được dung dịch X. Nếu cô cạn cẩn thận dung dịch X thu được 18,4 gam muối. Cho dung dịch X vào dung dịch AgNO_3 trong dung dịch NH_3 dư thì thu được 21,6 gam kết tủa. Công thức phân tử của este là

A. HCOOC_6H_5 . B. $\text{HCOOC}_6\text{H}_4\text{CH}_3$. C. $\text{HCOOCH}=\text{CH}_2$. D. $\text{CH}_3\text{COOC}_6\text{H}_5$.

Câu 70: Cho các phát biểu sau:

- (1) Nhiệt phân AgNO_3 thu được kim loại.
- (2) Khí CO khử được các oxit FeO, Al_2O_3 , ZnO khi đun nóng.
- (3) Dung dịch hỗn hợp HCl và KNO_3 không hòa tan được bột đồng.
- (4) Thành phần supephotphat đơn chỉ chứa $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$.
- (5) Cho dung dịch CuSO_4 vào dung dịch NH_3 (dư) thu được kết tủa.
- (6) Photpho trắng phát quang trong bóng tối.

Số phát biểu **sai** là A. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

Câu 71: Thủy phân hoàn toàn triglixerit X trong dung dịch NaOH, thu được glixerol, natri stearat và natri oleat. Đốt cháy hoàn toàn m gam X cần vừa đủ 54,432 lít O_2 (đktc), thu được H_2O và 75,24 gam CO_2 . Mặt khác, m gam X tác dụng tối đa với a mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của a là

A. 0,03. B. 0,04. C. 0,08. D. 0,06.

Câu 72: Có 3 dung dịch, mỗi dung dịch chứa một chất theo thứ tự X, Y, Z thỏa mãn các thí nghiệm:

X + Y → có kết tủa xuất hiện, có khí thoát ra

Y + Z → có kết tủa xuất hiện

X + Z → có khí thoát ra

Cho các chất X, Y, Z lần lượt là:

- | | |
|--|---|
| (1) H_2SO_4 , BaCO_3 , NaHCO_3 . | (2) $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$, H_2SO_4 . |
| (3) $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$, $\text{Ba}(\text{OH})_2$, H_2SO_4 . | (4) HCl, AgNO_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$. |
| (5) $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, $\text{Ba}(\text{OH})_2$, H_2SO_4 | (6) Na_2CO_3 , HCl, H_2SO_4 (loãng). |

Số dãy chất thỏa mãn các thí nghiệm trên là

A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 73: Lên men 1 tấn khoai chứa 85% tinh bột để sản xuất ancol etylic, hiệu suất cả quá trình sản xuất là 70%. Khối lượng ancol thu được là

A. 0,383 tấn. B. 0,668 tấn. C. 0,833 tấn. D. 0,338 tấn.

Câu 74: Cho 7,5 gam hỗn hợp kim loại gồm: Na, K, Ba vào nước dư thu được 500 ml dung dịch X có pH = y. Cô cạn dung dịch X thu được 9,71 gam chất rắn khan. Giá trị **gần nhất** của y là

A. 13,4. B. 13,3. C. 13,1. D. 13,2.

Câu 75: hợp chất hữu cơ chứa C, H, O chỉ chứa 1 loại nhóm chức. Cho 0,15 mol X phản ứng vừa đủ với 180 gam dung dịch NaOH, thu được dung dịch Y. Làm bay hơi Y chỉ thu được 164,7 gam hơi nước và 44,4 gam hỗn hợp chất rắn khan Z. Đốt cháy hoàn toàn Z, thu được 23,85 gam Na_2CO_3 ; 56,1 gam CO_2 ; và 14,85 gam H_2O . Mặt khác, Z phản ứng với H_2SO_4 loãng (dư), thu được 2 axit cacboxylic đơn chức và hợp chất T chứa C, H, O ($M_T < 126$).

Cho các phát biểu sau:

- (1) X có 4 công thức cấu tạo thỏa mãn.
- (2) Số nguyên tử H trong T là 10.
- (3) Trong Z chứa $\text{C}_7\text{H}_7\text{O}_2\text{Na}$.
- (4) T phản ứng với dung dịch KOH, Na, dung dịch Br_2 .
- (5) Phân tử khối của X là 196.

Số phát biểu đúng là A. 5. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 76: Chia 37,52 gam hỗn hợp X gồm Fe, Fe_3O_4 , CuO và FeCO_3 thành hai phần bằng nhau. Hòa tan hoàn toàn phần 1 trong dung dịch chứa 0,4 mol HCl, thu được 0,1 mol hỗn hợp 2 khí (có tỉ khối so với H_2 bằng 11,5) dung dịch Y (chỉ chứa muối) và hỗn hợp rắn G (gồm hai kim loại). Hòa tan hết phần 2 với lượng đủ dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch Z và 0,265 mol hỗn hợp khí T gồm CO_2 và SO_2 (sản phẩm khử duy nhất của S^{+6}). Phần trăm khối lượng của CuO có trong 37,52 gam hỗn hợp X là

- A. 8,53%. B. 6,4%. C. 4,26%. D. 2,13%.

Câu 77: Một loại khí thiên nhiên X có thành phần phần trăm về thể tích như sau: 85,0% metan, 10,0% etan, 2,0% nitơ, 3,0% khí cacbonic. Biết rằng khi đốt cháy 1 mol metan, 1 mol etan thì lượng nhiệt tỏa ra tương ứng là 880 kJ và 1560 kJ, để nâng 1ml nước lên 1°C cần 4,2J. Giả thiết rằng nhiệt tỏa ra của quá trình đốt cháy X dùng để làm nóng nước với hiệu suất hấp thụ nhiệt khoảng 80%. Thể tích X (đktc) cần dùng để đun nóng 10,0 lít nước (khối lượng riêng của nước là 1g/ml) từ 20°C đến 100°C **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

- A. 123,20 lít. B. 103,58 lít. C. 104,08 lít. D. 83,26 lít.

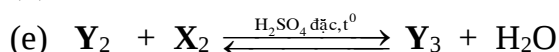
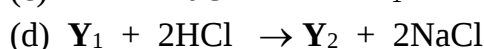
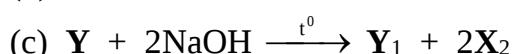
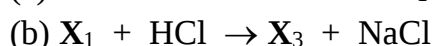
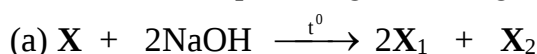
Câu 78: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm $\text{Cu}(\text{OH})_2$ và NaOH vào lượng vừa đủ dung dịch HCl, thu được dung dịch X. Tiến hành điện phân dung dịch X với các điện cực trơ, màng ngăn xốp, dòng điện có cường độ 1A không đổi. Lượng khí sinh ra từ bình điện phân và lượng kim loại Cu sinh ra ở catot theo thời gian điện phân được cho ở bảng sau:

Thời gian điện phân (giây)	t	1,75t	4t
Lượng khí sinh ra từ bình điện phân (mol)	a	2a	5,5a
Lượng kim loại Cu sinh ra ở catot (gam)	6,4	9,6	9,6

Giả sử hiệu suất điện phân là 100%, bỏ qua sự bay hơi của nước. Giá trị của m là

- A. 18,7. B. 16,7. C. 15,7. D. 30,7.

Câu 79: Cho sơ đồ các phản ứng theo đúng tỉ lệ mol:



Cho biết: X ($\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5$) là hợp chất hữu cơ mạch hở; Y ($\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_4$) là este hai chức. X_1 , X_2 , X_3 , Y_1 , Y_2 và Y_3 là các chất hữu cơ khác nhau. Cho các phát biểu sau:

- (1) Phân tử X_3 chứa đồng thời nhóm $-\text{OH}$ và nhóm $-\text{COOH}$.
- (2) Chất X_2 có thể tác động đến thần kinh trung ương của con người. Khi hàm lượng chất X_2 trong máu người tăng cao sẽ có hiện tượng nôn, mất tỉnh táo và có thể dẫn đến tử vong.
- (3) Phân tử khối của Y_3 là 146.
- (4) Nhiệt độ sôi của Y_2 thấp hơn nhiệt độ sôi của X_3 .
- (5) 1 mol chất X_1 tác dụng với kim loại Na dư, thu được tối đa 0,5 mol H_2 .

Số phát biểu **đúng** là A. 4. B. 5. C. 3. D. 2.

Câu 80: Trên bao bì một loại phân bón NPK của công ty phân bón nông nghiệp Phú Mỹ có ghi độ dinh dưỡng là 15 – 15 – 15. Để cung cấp 107,100 kg nitơ, 10,610 kg photpho và 29,126 kg kali cho 10000 m² đất trồng thì người nông dân cần trộn đồng thời phân NPK (ở trên) với đạm urê (độ dinh dưỡng là 46%) và phân kali (độ dinh dưỡng là 60%). Cho rằng mỗi m² đất trồng đều được bón với lượng phân như nhau. Vậy, nếu người nông dân sử dụng 90 kg phân bón vừa trộn trên thì diện tích đất trồng được bón phân là

- A. 2000 m². B. 4000 m². C. 5000 m². D. 2500 m².

----- **HẾT** -----